

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LONG KHÁNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/DS-ST  
Ngày 25/4/2024  
“*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Vân Khánh

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Phạm Quốc Thân

Ông Lê Thanh Tùng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Phi Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thạch Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2023/TLST – DSST ngày 25 tháng 4 năm 2023, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐST-DS ngày 09/4/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lưu Ngọc H, sinh năm 1981. Địa chỉ: tổ 1, khu phố 1, phường Phú Bình, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1967. Địa chỉ: số nhà 272 Nguyễn Tri Phương, khu phố 6, phường Xuân An, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: anh Lâm Hoàng Q, sinh năm 1983 và chị Lê Xuân Th, sinh năm 1984. Địa chỉ: tổ 11B khu phố Bảo Vinh A, phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1) Chị Lê Thị Thu Th1, sinh năm 1971; địa chỉ: 217/15 hẻm 217 Hùng Vương, khu phố 3, phường Xuân Hòa, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

2) Chị Lưu Bích H1, sinh năm 1983 và anh Nguyễn Hồng H2, sinh năm 1981; địa chỉ: tổ 1, khu phố 1, phường Phú Bình, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

(bà M, ông Q, bà Th có mặt tại phiên tòa, chị Bích H1, anh Hồng H2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Lê Thị Thu Th1 vắng mặt không có lý do)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lưu Ngọc H, do chị Nguyễn Thị M đại diện trình bày:***

Giữa nguyên đơn và bị đơn có mối quan hệ quen biết, hùn vốn làm ăn qua lại nên nguyên đơn đã cho bị đơn vay nhiều lần tiền, các lần vay đều trả sòng phẳng. Khoảng năm 2019 nguyên đơn cho bị đơn vay tiền nhiều lần lên đến 07 tỷ đồng, bị đơn đã cản trừ nợ cho nguyên đơn bằng cách chuyển nhượng hai thửa đất số 346, 347 tờ bản đồ 25 xã Bình Lộc và các bên đã giải quyết xong khoản nợ này. Sau đó vào ngày 16/4/2022 bị đơn tiếp tục vay của nguyên đơn số tiền 2,5 tỷ đồng, khi vay có viết giấy vay thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay thỏa thuận miệng là 01 năm. Khi vay bị đơn có thể chấp cho nguyên đơn 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thông qua hình thức ký giấy ủy quyền đổi với thửa đất số 407, tờ bản đồ 33 phường Bảo Vinh. Sau đó bị đơn đã lấy lại và nói sẽ chuyển nhượng thửa đất trên cho người khác để lấy tiền trả cho nguyên đơn, tuy nhiên cho đến nay bị đơn vẫn không trả nợ cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay 2,5 tỷ đồng.

Về tiền lãi: bị đơn đã trả lãi từ tháng 5/2022 đến tháng 12/2022 được 600.000.000 đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu lãi suất từ khi vay cho đến ngày xét xử là 1%/tháng và lãi suất giai đoạn thi hành án.

***Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn anh Lâm Hoàng Quý và chị Lê Xuân Thủy trình bày:***

Bị đơn thừa nhận giữa nguyên đơn và bị đơn có mối quan hệ quen biết làm ăn với nhau và nguyên đơn đã vay tiền của bị đơn nhiều lần là đúng. Đối với khoản vay 07 tỷ đồng bị đơn có vay và cũng đã trả nợ xong bằng cách cản trừ hai thửa đất số 346, 347 tờ bản đồ 25 xã Bình Lộc, bị đơn không yêu cầu xem xét lại vì không nhớ được người đã nhờ ký hợp đồng chuyển nhượng giúp cho bị đơn. Đối với số tiền 2,5 tỷ đồng theo giấy vay tiền ngày 16/4/2022, bị đơn thừa nhận có vay nhưng sau đó cũng đã cản nợ cho nguyên đơn bằng thửa đất số 407, tờ bản đồ 33 phường Bảo Vinh, thông qua hình thức nhờ di ruột của bị đơn là bà Lê Thị Thu Th1 chuyển nhượng cho em gái nguyên đơn là chị Lưu Bích H1. Hiện nay bị đơn không còn nợ nguyên đơn đồng nào nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về tiền lãi: bị đơn đã trả lãi từ tháng 5/2022 đến tháng 12/2022 được 600.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày. Do lãi suất quá cao nên bị đơn yêu cầu Tòa án điều chỉnh lãi theo quy định pháp luật. Cụ thể: bị đơn đã cản trừ nợ xong vào ngày 03/02/2023 nên đề nghị điều chỉnh lãi từ khi vay đến ngày 03/02/2023 với mức lãi 1%/tháng.

***Theo bản tự khai ngày 10/11/2023, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lưu Bích H1, anh Nguyễn Hồng H2 trình bày:***

Chị H1 là em ruột của nguyên đơn. Chị H1, anh H2 biết bị đơn là do bị đơn có mối quan hệ làm ăn với nguyên đơn. Do có nhu cầu mua đất và biết bị đơn muốn bán thửa đất số 407, tờ bản đồ 33 tại khu phố Ruộng Lớn, phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, do bà Lê Thị Thu Th1, sinh năm 1971; địa chỉ: 217/15 hẻm 217 Hùng

Vương, khu phố 3, phường Xuân Hòa, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, là di ruột của ông Q (bị đơn) đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chị H1, anh H2 không quan tâm ai đứng tên, vì có người bán thì anh chị mua. Ngày 03/02/2023, anh chị cùng với bà Lê Thị Thu Th1 đã ra phòng công chứng Võ Văn Thành làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định, hiện nay anh chị đã đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với việc vay mượn tiền giữa nguyên đơn và bị đơn anh chị hoàn toàn không biết nên không có việc cần nợ bằng việc chuyển nhượng thửa đất này.

***Theo bản tự khai ngày 14/11/2023, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Thu Thủy trình bày:***

Chị Lê Thị Thu Th1 có mua đất và đứng tên giúp cho cháu là Lâm Hoàng Q thừa đất 407, tờ bản đồ 33 tại khu phố Ruộng Lớn, phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai. Ngày 09/5/2022 cháu chị Th1 nhờ chị Thủy uỷ quyền cho nguyên đơn thừa đất trên để vay số tiền 2.500.000.000 đồng. Sau đó đến ngày 03/02/2023 theo yêu cầu của nguyên đơn, chị Th1 ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất qua cho em gái nguyên đơn là Lưu Bích H1 để cản trừ số nợ trên. Chị Th1 xác định chỉ là người đứng tên giúp và ký chuyển nhượng thửa đất 407, tờ bản đồ 33 phường Bảo Vinh theo yêu cầu của nguyên đơn.

*\* Toàn bộ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn cung cấp và Tòa án thu thập đã được công khai theo đúng quy định pháp luật.*

***Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án như sau:***

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Tòa án vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án::

+ Đối với yêu cầu trả số tiền gốc 2.500.000.000 đồng:

Căn cứ vào giấy mượn tiền đề ngày 16/4/2022, lời khai của nguyên đơn, lời khai bị đơn, lời khai những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xác định: Vào ngày 16/4/2022, ông Q và bà Xuân Th có vay của bà Ngọc H số tiền 2.500.000.000 đồng.

Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - bà Lê Thị Thu Th1 cho rằng: việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Lê Thị Thu Th1 với vợ chồng bà Bích H1, đối với thửa đất số 407, tờ bản đồ số 33, thuộc phường Bảo Vinh thực chất là để cản trừ đi số nợ 2.500.000.000 đồng mà bị đơn đã vay của nguyên đơn vào ngày 16/4/2022, thửa đất này thực chất là của bị đơn nhưng nhờ bà Lê Thị Thu Th1 (di ruột của bị đơn) đứng tên dùm, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất là do nguyên đơn đề nghị chuyển nhượng cho em gái ruột của nguyên đơn là bà Lưu Bích H1 để cản trừ đi số nợ giữa nguyên đơn và bị đơn. Tuy nhiên, bà Lưu Bích H1 không thừa nhận, ngoài ra phía bị đơn không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Lê Thị Thu Th1 và bà Bích H1 là để cản trừ đi số nợ 2.500.000.000 đồng giữa

nguyên đơn và bị đơn.

Nguyên đơn cho rằng: ngày 09/5/2022, ông Q và bà Xuân Th thể chấp quyền sử dụng đất cho nguyên đơn, đối với thửa đất số 407, tờ bản đồ số 33, thuộc phường Bảo Vinh, do bà Lê Thị Thu Th1 đứng tên chủ sở hữu. Tuy nhiên, sau đó ông Q và bà Xuân Th lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên để bán đất trả nợ cho nguyên đơn, do tin tưởng nên nguyên đơn đã giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Lưu Bích H1 cho rằng: ngày 03/02/2023, ông Q và bà Th bán thửa đất trên cho bà Lưu Bích H1, hai bên ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Lê Thị Thu Th với ông Nguyễn Hồng H2 và bà Lưu Bích H1, hợp đồng được công chứng tại Văn phòng Công chứng Võ Văn Thành, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, hiện thửa đất này đã sang tên hợp pháp cho vợ chồng bà Bích H1, bà không hề biết gì đến việc vay mượn nợ giữa nguyên đơn và bị đơn, căn cứ vào hợp đồng ủy quyền ngày 09/5/2023 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào ngày 02/3/2023, xét thấy lời khai của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Lưu Bích H1 là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, hợp đồng chuyển nhượng thể hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Lê Thị Thu Th1 và bà Bích H1, không có căn cứ nào để chứng minh việc chuyển nhượng này là để cản trở nợ giữa nguyên đơn và bị đơn.

Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 2.500.000.000 đồng.

+ Đối với yêu cầu trả lãi suất từ khi vay cho đến ngày xét xử là 1%/tháng của nguyên đơn: Căn cứ Điều 468 BLDS, điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật, do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 2.500.000.000 đồng. Bị đơn hiện đang cư trú tại phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Điều 471 Bộ luật dân sự, khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai theo khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lưu Bích H1 và anh Nguyễn Hồng H2 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị Thu Th1 đã được triệu tập

hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người này là phù hợp.

[3] Về nội dung:

[3.1] Tại phiên tòa, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 2,5 tỷ đồng, nguyên đơn cung cấp chứng cứ là giấy vay tiền viết tay ngày 16/4/2022. Chứng cứ này được bị đơn thừa nhận.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất hai bên có làm ăn qua lại với nhau và bị đơn vay tiền của nguyên đơn nhiều lần, các lần vay đều trả sòng phẳng. Nguyên đơn và bị đơn thống nhất vào ngày 16/4/2022 có xác lập giao dịch vay tiền, nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 2,5 tỷ đồng theo giấy mượn tiền viết tay trên. Như vậy, xác định được việc vay tiền giữa hai bên là có thật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Bị đơn thừa nhận có vay tiền nhưng cho rằng số tiền này bị đơn đã trả cho nguyên đơn bằng cách cầm trả thửa đất số 407, tờ bản đồ 33 phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai nên không còn nợ. Bị đơn cung cấp chứng cứ là hợp đồng ủy quyền thửa đất ngày 09/5/2022 từ bà Lê Thị Thu Th1 (dì của bị đơn) qua nguyên đơn và hợp đồng chuyển nhượng thửa đất từ Lê Thị Thu Th1 qua anh Nguyễn Hồng H2, chị Lưu Bích H1. Theo bị đơn, anh H2, chị H1 là em ruột của nguyên đơn nên việc chuyển nhượng này để cầm trả số nợ bị đơn đã vay. Xét lời khai này của bị đơn không có cơ sở bởi lẽ: quá trình giải quyết mặc dù chị Lê Thị Thu Th1 có bản tường trình thừa nhận là người đứng tên cầm và chuyển nhượng cho chị H1, anh H2 theo yêu cầu của nguyên đơn để cầm trả nợ cho bị đơn, nhưng giữa chị Th1 và bị đơn có mối quan hệ dì, cháu nên lời khai không khách quan, mặt khác tại phiên tòa bị đơn xác định khi ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 407, tờ bản đồ 33 phường Bảo Vinh thì cả chị Lê Thị Thu Th1 và chị Lưu Bích H1, anh Nguyễn Hồng H2 không biết việc chuyển nhượng để cầm trả nợ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lưu Bích H1, anh Nguyễn Hồng H2 khai có nhận chuyển nhượng thửa đất trên của bị đơn thông qua việc ký hợp đồng chuyển nhượng với chị Lê Thị Thu Th1, nhưng anh chị không thừa nhận việc chuyển nhượng để cầm trả nợ của nguyên đơn, anh chị không biết việc vay mượn giữa nguyên đơn và bị đơn về số tiền trên. Lời khai của chị H1, anh H2 cũng không khách quan do chị H1 là em ruột của nguyên đơn. Tuy nhiên, chứng cứ mà bị đơn cung cấp chỉ thể hiện khi bị đơn vay tiền có ủy quyền cho nguyên đơn thửa đất trên, và khi hết thời hạn ủy quyền thì người đứng tên thửa đất là chị Lê Thị Thu Th1 chuyển nhượng thửa đất lại cho chị Lưu Bích H1, anh Nguyễn Hồng H2, mà không có bất kỳ chứng cứ nào chứng minh thỏa thuận giữa các bên về việc cầm trả, đồng thời, nguyên đơn không thừa nhận việc cầm trả như bị đơn trình bày.

Ngoài ra, quá trình giải quyết bị đơn có cung cấp cho Tòa án bảng kê chuyển khoản số tiền 2.000.000.000 đồng qua tài khoản của nguyên đơn (có đóng dấu treo của Ngân hàng TMCP Quân Đội chi nhánh Long Khánh), nhưng bị đơn cũng thừa nhận số tiền này là để trả nợ làm ăn trước đó với nguyên đơn, không liên quan đến số tiền nguyên đơn đang khởi kiện.

Từ những phân tích trên xét thấy cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền

2,5 tỷ đồng là có căn cứ.

[3.2] Xét yêu cầu tính lãi suất 1% đối với số tiền 2,5 tỷ đồng từ ngày vay (16/4/2022) đến ngày xét xử (12/4/2024), lãi suất thi hành án của nguyên đơn:

Tại giấy mượn tiền ngày 16/4/2022 hai bên thỏa thuận mức lãi suất 3%/tháng là vượt quá mức lãi suất quy định của Nhà nước nên không chấp nhận. Nguyên đơn và bị đơn đều có yêu cầu điều chỉnh mức lãi 1%/tháng là phù hợp nên chấp nhận. Bị đơn cho rằng đã trả tiền vay đến ngày 03/02/2023 nên yêu cầu điều chỉnh theo thời gian này, nhưng như đã phân tích ở trên, bị đơn không chứng minh được việc đã trả nợ cho nguyên đơn nên không chấp nhận yêu cầu điều chỉnh lãi đến ngày 03/02/2023 mà điều chỉnh đến ngày xét xử sơ thẩm (25/4/2024) theo yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

Như vậy, lãi suất của số tiền 2,5 tỷ đồng là:  $2.500.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 02 \text{ năm } 09 \text{ ngày} = 607.499.999 \text{ đồng}$ .

Nguyên đơn thừa nhận đã nhận của bị đơn 600.000.000 đồng lãi suất nên buộc bị đơn tiếp tục trả lãi cho nguyên đơn số tiền 7.449.999 đồng.

Tổng cộng buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 2.507.499.999 (hai tỷ năm trăm linh bảy triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín) đồng.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các điều 463, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Lưu Ngọc H

1. Buộc anh Lâm Hoàng Q, chị Lê Xuân Th phải trả cho chị Lưu Ngọc H số tiền 2.507.499.999 (hai tỷ năm trăm linh bảy triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín) đồng.

2. Về án phí: Anh Lâm Hoàng Q, chị Lê Xuân Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 82.150.000 (tám mươi hai triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Hoàn trả cho chị Lưu Bích H1 số tiền 41.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0006780 ngày 24/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố

Long Khánh.

Kể từ ngày chị Lưu Ngọc H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, anh Lâm Hoàng Q, chị Lê Xuân Th còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- VKS TP.Long Khánh.
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS TP Long Khánh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Vân Khánh**

